

**TÒA ÁN N DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HS-ST
Ngày 04-9-2018

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN THỊ XÃ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống.

Các Hội thẩm N dân: Ông Trương Thanh Phong;

Bà Huỳnh Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án N dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án N dân thị xã H, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số: 26/2018/TLST-HS, ngày 17 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1992; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không có nơi cư trú ổn định; Chỗ ở hiện nay: Không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Phạm Văn E, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1975; Anh, chị, em: Có 04 người, bị cáo là con lớn trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Năm 2011 bị Tòa án N dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Chấp hành xong Hình phạt tù nhưng chưa thi hành tiền án phí hình sự sơ thẩm; Tạm giữ: Không; Bắt tạm giam ngày 20/7/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã H (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Đinh Hồng N, sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm 5, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Võ Văn L, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm 5, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp

2. Nguyễn Văn F, sinh năm 1955 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp An Phước, xã B, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng*: Võ Văn N1, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm 5, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 01/4/2018, Phạm Văn T đi bộ quanh khu vực khóm 5, phường A, thị xã H với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đến bãi đỗ xe ô tô của anh Đinh Hồng N, T phát hiện 03 xe ô tô tải đang đậu (đỗ) mà không có người trông coi nên lén lút dùng tay tháo gỡ dây điện lấy trộm 06 cái bình ắc quy gắn trên 03 xe ô tô (mỗi xe T lấy trộm 02 bình). Tài sản lấy trộm được T mang đi cất giấu, đến khoảng 07 giờ cùng ngày T thuê xe honda đồ của ông Nguyễn Văn F chở 06 cái bình ắc quy đem bán cho Võ Văn L, ngụ khóm 5, phường A, thị xã H với giá 2.400.000 đồng. Khi bán tài sản trộm cho anh L và thuê ông F chở 06 cái bình đi tiêu thụ T không nói đây là tài sản trộm mà có nên ông F và anh L không biết. Số tiền có được T trả tiền thuê xe của ông F vận chuyển là 400.000 đồng, tiêu xài cá N hết 1.350.000 đồng. Còn lại 650.000 đồng.

Vật chứng vụ án Cơ quan điều tra thu giữ:

- Tiền Việt Nam do ông Nguyễn Văn F giao nộp 400.000 đồng;
- Tiền Việt Nam thu của Phạm Văn T: 650.000 đồng;
- 02 (Hai) cái bình Ắc quy loại 70 Ampe hiệu Dongnai;
- 02 (Hai) cái bình Ắc quy loại 85 Ampe hiệu Dongnai;
- 02 (Hai) cái bình Ắc quy loại 70 Ampe hiệu GS Dongnai.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 07/KL-HĐĐGTS ngày 06/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận:

- 02 (Hai) cái bình Ắc quy loại 70 Ampe hiệu Dongnai, trị giá 1.500.0000 đồng;
- 02 (Hai) cái bình Ắc quy loại 85 Ampe hiệu Dongnai, trị giá 1.800.0000 đồng;
- 02 (Hai) cái bình Ắc quy loại 70 Ampe hiệu GS Dongnai, trị giá 1.800.0000 đồng;

Tổng cộng 5.100.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả lại cho bị hại Đinh Hồng N số tài sản bị mất trộm nêu trên và bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự đối với Phạm Văn T.

Về dân sự: Bị hại Đinh Hồng N đã nhận lại tài sản đồng thời không có yêu cầu gì khác.

Đối với anh Võ Văn L là người mua 06 cái bình ắc quy với giá 2.400.000 nghìn đồng, khi mua anh L không biết đây là tài sản trộm. Quá trình điều tra anh L đã tự nguyện giao nộp 06 cái bình ắc quy nêu trên đồng thời yêu cầu Phạm Văn T phải bồi thường số tiền 2.400.000 đồng mà anh L đã thanh toán. Bị cáo Phạm Văn T đồng ý bồi thường nhưng chưa có khả năng bồi thường thiệt hại.

Trong quá trình điều tra bị cáo Phạm Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 27/CT-VKS-HS, ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát N dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã H thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội: "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng vụ án: Bị hại Đinh Hồng N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 585 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho anh Võ Văn L số tiền 2.400.000 đồng, trong đó hiện Chi cục thi hành án dân sự thị xã H đang quản L 1.050.000 đồng nên đề nghị hoàn trả số tiền trên cho anh L và buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh L 1.350.000 đồng; Đối với Võ Văn L là người mua 06 cái bình ắc quy do T trộm cắp mà có, khi mua bán T không nói đây là tài sản do trộm cắp mà có và ông Nguyễn Văn F là người chở thuê 06 cái bình Ắc quy mà bị cáo lấy trộm. Khi vận chuyển ông F không biết đây là tài sản do phạm tội

mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Võ Văn L và ông Nguyễn Văn F về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Bị cáo Phạm Văn T thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bản thân bị cáo Phạm Văn T là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, xuất phát từ nhu cầu muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn nhu cầu của bản thân, nhưng không muốn lao động vất vả, bị cáo nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản của người khác bán để lấy tiền tiêu xài, để thực hiện ý định trên, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút trộm tài sản của anh Đinh Hồng N là 06 cái bình Ấc quy bán để lấy tiền tiêu xài.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số: 07/KL-HĐĐGTS ngày 06/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận 06 cái bình Ấc quy mà bị cáo chiếm đoạt của anh Đinh Hồng N có giá trị là 5.100.000đồng.

Như vậy đã có đủ căn cứ để xác định hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Tội phạm mà bị cáo gây ra đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mặt khác còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, sống lang thang, luôn có ý thức khi phát hiện tài sản của người khác để không có người trông coi là bị cáo lén lút chiếm đoạt ngay. Bản thân bị cáo đã có 01 tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản, đáng ra trong thời gian chấp hành hình phạt tù, bị cáo phải suy ngẫm lại hành vi sai trái của mình, phấn đấu học tập, lao động để trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội, tìm cho mình một việc làm hợp pháp để có thu thập chính đáng từ sức lao động của mình, nhưng bị cáo không làm được điều đó, mà ngược lại khi chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể

hiện bản chất xem thường pháp luật, nên cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt thật nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[2] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, người bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện tính N đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện tội phạm trong thời gian chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm và là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc hơn so với mức hình phạt trước đây đã xét xử đối bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý thức phạm tội như bị cáo.

Đối với anh Võ Văn L là người mua 06 cái bình ắc quy do T trộm cắp mà có, khi mua bán T không nói đây là tài sản do trộm cắp mà có và ông Nguyễn Văn F là người chở thuê 06 cái bình Ắc quy mà bị cáo lấy trộm, khi vận chuyển ông F không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, Viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Võ Văn L và ông Nguyễn Văn F về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử L.

[3] Về vật chứng vụ án:

Đối với 06 cái bình Ắc quy mà bị cáo Phạm Văn T chiếm đoạt của anh Đinh Hồng N, trong quá trình điều tra, anh N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo gì khác, tại phiên tòa hôm nay không phát sinh gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 400.000đồng mà bị cáo Phạm Văn T trả tiền thuê xe cho ông Nguyễn Văn F, trong giai đoạn điều tra, ông F đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 2.400.000đồng mà bị cáo Phạm Văn T bán 06 cái bình Ấc quy cho anh Võ Văn L, anh L yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh và bị cáo cũng thống nhất bồi thường. Phần tiền 2.400.000đồng này, trong giai đoạn điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ từ bị cáo là 650.000đồng, ông F tự nguyện nộp lại 400.000đồng, tổng cộng là 1.050.000đồng (hiện Chi cục thi hành án dân sự thị xã đang quản L), Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại số tiền trên cho anh L và buộc bị cáo phải bồi thường thêm cho anh L 1.350.000đồng là phù hợp pháp luật.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, về trách nhiệm bồi thường là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã H, Điều tra viên, Viện kiểm sát N dân thị xã H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a,c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 20 tháng 7 năm 2018.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 585 Bộ luật Dân sự:

+ Trả lại cho anh Võ Văn L số tiền 1.050.000đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)

(Hiện Chi cục thi hành án Dân sự thị xã H đang quản L).

+ Buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho anh Võ Văn L số tiền là 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a,c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 500.000 đồng (Năm Trăm nghìn đồng).

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/9/2018).

Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TX. H;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Nhà tạm giữ Công an TX. H;
- Cơ quan điều tra Công an TX. H;
- Bị cáo Phạm Văn T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thống